

QUY CHẾ

**Phối hợp trong việc xây dựng, duy trì
hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở
và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND
Ngày 27 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Bình Thuận)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Các loại hình bất động sản được thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu theo quy định tại quy chế này gồm: Đất nền cho xây dựng nhà ở; nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư; văn phòng; khách sạn; mặt bằng thương mại, dịch vụ; hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; cụ thể gồm các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Công Thương; Cục Thuế tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện), UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã); sàn giao dịch bất động sản; tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; tổ chức hành nghề công chứng; công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản; chủ đầu tư các dự án bất động sản theo quy định tại khoản 2, Điều 1 của Quy chế này và các đơn vị liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời khi cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ.

3. Việc phối hợp phải kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên.

4. Việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải đảm bảo đầy đủ, chính xác theo đúng các biểu mẫu quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, dữ liệu do mình cung cấp.

5. Không được lợi dụng việc cung cấp thông tin để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin trái với quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP XÂY DỰNG, DUY TRÌ HỆ THỐNG THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU

Điều 4. Nội dung phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Sở Xây dựng chủ trì, xây dựng hệ thống biểu mẫu, thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu. Duy trì hệ thống thông tin, định kỳ tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp theo Quy chế này để tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Trường hợp thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp không thống nhất, mâu thuẫn, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu để tổng hợp đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhà ở, thị trường bất động sản, dự án bất động sản có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu theo định kỳ; theo yêu cầu đột xuất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Sở Xây dựng.

4. Các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử. Nơi nhận thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản: Sở Xây dựng Bình Thuận, số 03 Nguyễn Tất Thành, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và thư điện tử về Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng (Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Xây dựng hoặc Email: qln@sxd.binhthuan.gov.vn).

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện việc thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê ngành trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng.

2. Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

3. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

4. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do Sở Xây dựng lưu trữ, xử lý được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm chung:

a) Phân công đơn vị, cử cán bộ làm đầu mối cung cấp thông tin quy định tại quy chế này. Danh sách đầu mối ghi đầy đủ (tên đơn vị, họ và tên, chức danh, số điện thoại liên lạc, hộp thư điện tử (email) gửi về Sở Xây dựng bằng văn bản.

b) Định kỳ hàng tháng, quý, năm các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản về Sở Xây dựng theo các biểu mẫu quy định tại Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

c) Chỉ đạo, đôn đốc công tác cung cấp thông tin, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tư pháp:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến số lượng hợp đồng, giao dịch về bất động sản được công chứng, chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh đối với các dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép đầu tư,

giấy chứng nhận đầu tư hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh đối với các dự án có quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Phụ lục 2 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc sử dụng đất tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

5. Cục Thuế tỉnh:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với báo cáo của chủ đầu tư dự án bất động sản.

6. Cục Thống kê tỉnh:

Báo cáo số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp của các chương trình điều tra, thống kê về dân số và nhà ở về Sở Xây dựng chậm nhất sau 20 ngày kể từ khi các kết quả điều tra, thống kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Sở Tài chính:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến dự án bất động sản theo yêu cầu Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Sở Xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu của dự án bất động sản do chủ đầu tư báo cáo liên quan đến Sở, ngành mình quản lý.

8. Sở Công Thương, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu đối với các dự án bất động sản do cơ quan, đơn vị mình làm chủ đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 9 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản (không phân biệt nguồn vốn) thuộc thẩm quyền quản lý (tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch) đối với các dự án đã được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý theo khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ và tại các biểu mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Quy chế này.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý đối với các dự án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định chủ trương đầu tư (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến văn bản chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án và tiến độ triển khai dự án, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến lượng giao dịch bất động sản để bán qua công chứng, chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

11. Cá nhân, tổ chức liên quan đến việc triển khai xây dựng và kinh doanh của dự án bất động sản (các chủ đầu tư, sàn giao dịch bất động sản, đơn vị kinh doanh dịch vụ bất động sản) có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu

liên quan đến dự án bất động sản, tình hình giao dịch bất động sản định kỳ theo quy định tại điểm a, b khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 9 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; tại các biểu mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Quy chế này và theo yêu cầu đột xuất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Sở Xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn, nội dung không chính xác, không đầy đủ theo Quy chế này bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai

PHỤ LỤC 1

ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

THÔNG TIN, DỮ LIỆU CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

STT	Tên dự án Địa điểm dự án	Chủ đầu tư Tên người đại diện để liên hệ Địa chỉ; điện thoại	Thông tin đăng ký của dự án					Tiến độ thực hiện	
			Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)		Diện tích đất	Quy mô xây dựng	Tiến độ thực hiện	Giải phóng mặt bằng	Tiến độ xây dựng
			Tổng số	Trong đó vốn nước ngoài	(ha)	(m2 sàn; căn hộ; lô đất)	Từ ngày.... đến ngày	(ha)	(m2 sàn; căn hộ; lô đất)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1			100	50	2	12.000 m2; 300 căn chung cư	Khởi công 20/01/2014 hoàn thành	1	Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật
2	10000 m2; 250 căn biệt thự; 40 lô	Khởi công.....hoàn thành 20/01/2014	Đã hoàn thành 250 căn; 40 lô
3	100 căn nhà liên kế; 50 lô	...	Đất sạch (không phải giải phóng mặt bằng)	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (hoặc không thực hiện)
	Tổng cộng:								

PHỤ LỤC 2

ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

THÔNG TIN, DỮ LIỆU CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị:ha

STT	Tên dự án Địa điểm dự án	Chủ đầu tư Tên người đại diện để liên hệ Địa chỉ; điện thoại	Tổng diện tích đất	Trong đó				Tiến độ giải phóng mặt bằng
				DT đất XD nhà ở TM	DT đất XD nhà ở XH	DT đất XD hạ tầng KT	DT đất khác (ghi rõ loại đất)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2				Đã hoàn thành
3	Đất sạch (không phải giải phóng mặt bằng)
Tổng cộng:								

PHỤ LỤC 3

ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

HỆ THỐNG BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

TT	Tên biểu	Ký hiệu biểu mẫu tại Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng	Kỳ cung cấp thông tin	Ngày nhận cung cấp thông tin	Đơn vị cung cấp thông tin
01	Thông tin của các dự án đầu tư xây dựng nhà ở	Biểu mẫu số 4.1 (Tại phụ lục IV)	Tháng, quý, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
02	Thông tin về lượng nhà ở đủ điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch tại các dự án	Biểu mẫu số 4.3 (Tại phụ lục IV)	Quý, năm	Ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
03	Tổng số nhà khởi công theo dự án	Biểu mẫu số 4.4 (Tại phụ lục IV)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
04	Tổng số nhà hoàn thành trong năm	Biểu mẫu số 4.5 (Tại phụ lục IV)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
05	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	Biểu mẫu số 4.6 (Tại phụ lục IV)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
06	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	Biểu mẫu số 4.7 (Tại phụ lục IV)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
07	Số lượng giao dịch kinh doanh bất động sản qua sàn	Biểu mẫu số 4.8 (Tại phụ lục IV)	Quý, năm	Ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	Các sàn giao dịch Bất động sản
08	Tổng hợp về tình hình giao dịch bất động sản để bán, chuyển nhượng	Biểu mẫu số 5.1a (Tại phụ lục V)	Tháng, quý, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BĐS
09	Tổng hợp về tình hình giao dịch bất	Biểu mẫu số 5.1b	Tháng, quý,	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo;	UBND cấp huyện, Chủ

	động sản cho thuê	(Tại phụ lục V)	năm	ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BĐS
10	Tổng hợp về tình hình giao dịch BĐS để chuyển nhượng, cho thuê	Biểu mẫu số 5.2 (Tại phụ lục V)	Tháng, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BĐS
11	Tổng hợp về tình hình giao dịch BĐS để bán, cho thuê	Biểu mẫu số 5.3 (Tại phụ lục V)	Tháng, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BĐS
12	Tổng hợp về lượng BĐS đủ điều kiện bán, chuyển nhượng nhưng chưa bán, chuyển nhượng tại các dự án	Biểu mẫu số 5.4a (Tại phụ lục V)	Quý, năm	Ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BĐS
13	Tổng hợp về lượng BĐS đủ điều kiện cho thuê nhưng chưa cho thuê tại các dự án	Biểu mẫu số 5.4b (Tại phụ lục V)	Quý, năm	Ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BĐS
14	Tổng hợp về tình hình phát triển nhà ở	Biểu mẫu số 5.6 (Tại phụ lục V)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
15	Nhu cầu nhà ở thương mại	Biểu mẫu số 5.10a (Tại phụ lục V)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
16	Nhu cầu nhà ở xã hội	Biểu mẫu số 5.10b (Tại phụ lục V)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện